TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27-6-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Đỗ Đức Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Yến.

Ông Ngô Chí Linh.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đỗ Thị Quyên - Thư ký Toà án nhân dân quận Hải An, Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/5/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19/6/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Chu Thị H; nơi ĐKHKTT: Đường N, tổ 5, phường N, quận H, thành phố H; nơi cư trú: Đường N, tổ 2, phường N, quận H, thành phố H; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quang T; nơi ĐKHKTT: Đường N, tổ 5, phường N, quận H, thành phố H; nơi cư trú: Đường N, tổ 2, phường N, quận H, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 01 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Chu Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Quang T kết hôn vào tháng 6/2010, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường Nam Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị

H, anh T hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã, đôi khi còn xảy ra xô xát. Ngoài ra, bản thân anh T không chia sẻ công việc cũng như kinh tế đối với chị, dẫn đến cuộc sống ngày càng khó khăn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể nào khắc phục được. Chính vì vậy, tháng 12/2017 vợ chồng đã làm đơn đến Tòa án yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng vì con chung, hạnh phúc gia đình nên vợ chồng đã tự hòa giải hàn gắn đoàn tụ và đã rút yêu cầu. Nhưng thực tế, cuộc sống vợ chồng vẫn không cải thiện được tình trạng mâu thuẫn và ngày càng trở nên trầm trọng hơn, vợ chồng sống ly thân, không còn tình cảm. Đến nay chị H xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, chị có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quang T.

Về con chung: Chị Chu Thị H xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Hân N, sinh ngày 10/9/2010 và Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 23/5/2013. Hiện tại chị H đang nuôi dưỡng cháu Hân N, anh T đang nuôi dưỡng cháu Bảo T. Trường hợp ly hôn, chị H đề nghị giao con chung Nguyễn Ngọc Hân N cho chị nuôi dưỡng và giao con chung Nguyễn Ngọc Bảo T cho T nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã nêu trong đơn khởi kiện và bản tự khai của mình.

Tại bản tự khai ngày 01 tháng 02 năm 2018 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Nguyễn Quang T vắng mặt có quan điểm trình bày:

Về điều kiện hoàn cảnh kết hôn như chị H trình bày là hoàn toàn chính xác. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 8 năm, nhưng sau đó anh nhận thấy vợ chồng không cùng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không chia sẻ với nhau trong công việc cũng như kinh tế. Nhưng anh cho rằng vì hạnh phúc của các con, trong đó có cháu nhỏ Bảo T có sức khỏe không tốt, nên anh mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng anh đoàn tụ nuôi dạy con chung, anh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị H. Trường hợp chị H kiên quyết giữ quan điểm ly hôn, Tòa án hòa giải không có kết quả thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và đề nghị giao cả hai con chung là Nguyễn Ngọc Hân N, sinh ngày 10/9/2010 và Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 23/5/2013 cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng, anh T không nêu quan điểm về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung và quan điểm về tài sản chung của vợ chồng.

Trong quá trình Tòa án tiến hành tổ chức phiên tiếp cận chứng cứ, hòa giải anh Nguyễn Văn Tđều vắng mặt không có lý do, mặc dù Tòa án đã triệu tập, tống

đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa mở lại anh Nguyễn Quang Ttiếp tục vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án; Bị đơn đã không chấp hành qui định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời phát biểu quan điểm về nội dung giải quyết vụ án trên cơ sở đánh giá, phân tích về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn là Anh Nguyễn Quang T đang cư trú tại đường N, tổ 2, phường N, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Quang Tvắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Xét chị Chu Thị H và anh Nguyễn Quang T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Nam Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng vào tháng 06/2010. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa chị H, anh T là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương, trên cơ sở ý kiến của tổ dân phố, bên gia đình chị H đều có quan điểm cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đã ly thân. Trong bản tự khai anh T cũng xác nhận vợ chồng có quan điểm sống không hợp nhau cả về công việc cũng như kinh tế, mặc dù anh không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị H. Mặt khác, bản thân vợ chồng anh chị cũng đã có lần nộp đơn yêu cầu xin thuận tình ly hôn vào tháng 12/2017 đến Tòa án nhân dân quận Hải An, sau đó vợ chồng tự nguyện xin rút yêu cầu để trở về đoàn tụ, nhưng đến nay chị H tiếp tục làm đơn xin ly hôn. Về phía anh T có quan điểm đề nghị Tòa án hòa

giải và không đồng ý ly hôn, nhưng Tòa án đã triệu tập hòa giải tiếp cận chứng cứ hợp lệ 02 lần, nhưng cả 02 lần đó anh T đều vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện thái độ không tôn trọng pháp luật của anh T, cũng đồng thời làm rõ việc mâu thuẫn giữa anh T và chị H là có thật. Từ đó cho thấy lời khai của chị H trình bày trong đơn khởi kiện cũng như tại các văn bản khác là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, không còn khả năng khắc phục, nếu kéo dài tình trạng gia đình như hiện tại chỉ gây khó khăn, cản trở cho cuộc sống của mỗi người.

Vì vậy từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu xin ly hôn của chị Chu Thị H với anh Nguyễn Quang T là có căn cứ, phù hợp các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H, anh T xác nhận quá trình vợ chồng chung sống có hai con chung là Nguyễn Ngọc Hân N, sinh ngày 10/9/2010 và Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 23/5/2013. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi con chung Nguyễn Ngọc Hân N, đề nghị giao anh T nuôi con chung Nguyễn Ngọc Bảo T và không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt quyền lợi của các con chưa thành niên, cháu Hân N có nguyện vọng được ở cùng với chị H. Trên thực tế, bản thân anh T hiện đang nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Bảo T, chị H hiện đang nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Hân N, các cháu đều đang sống ổn định, tuy cháu nhỏ Bảo T có thể chất kém hơn chị, anh T nuôi dưỡng sẽ vất vả hơn, nhưng việc nuôi dưỡng, chăm sóc con là nghĩa vụ của cha mẹ theo quy định của pháp luật. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung trưởng thành, cũng như không làm xáo trộn cuộc sống của các con chung, cần giao con chung Nguyễn Ngọc Hân N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Bảo T. Điều này là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung, anh T không có quan điểm, chị H xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết.

Anh T và chị H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà họ không trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T và chị H không được cản trở nhau thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Anh T không ly hôn, không có quan điểm về tài sản. Chị H có quan điểm về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Do đó, về tài sản chung, Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Chu Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 19, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 83, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 3; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Chu Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Quang T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Chu Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Hân N, sinh ngày 10/9/2010 và giao cho anh Nguyễn Quang T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 23/5/2013 đến khi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung: Chị H và anh T không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Do đó, về tài sản chung, Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết.

4. Về án phí: Chị Chu Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Ký hiệu: AA/2014 Số: 0016112 ngày 29/01/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Đức Hoàng